VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

2. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh,[1]

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm: Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm; hoạt động tạm xuất khẩu - tái nhập khẩu, tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu văn hóa phẩm.

Điều 1a.[2] Giải thích từ ngữ

Các bản ghi âm, ghi hình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP bao gồm: Các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn.

---

[1] Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL), có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL.

Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL), có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu và tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

[2] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Mục 2
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Điều 2. Văn hóa phẩm xuất khẩu

Văn hóa phẩm xuất khẩu không cần giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP bao gồm những loại sau:

1. Các loại băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình các loại phim, các loại băng từ, đĩa mềm, đĩa cứng, đĩa quang đã ghi nội dung, các sản phẩm công nghệ nghe nhìn khác đã ghi thông tin ở dạng chữ viết, âm thanh, hình ảnh đã phát hành, lưu hành hợp pháp tại Việt Nam.

2. Các loại phim chụp ảnh, băng, đĩa ghi tiếng, ghi hình có nội dung về sinh hoạt cá nhân, gia đình.

3. Các loại tranh, tượng, tác phẩm mỹ thuật không vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP là tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức và không phải là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Điều 3. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu

1. Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm phải được giám định trước khi xuất khẩu theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị giám định tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền được quy định tại Điều 4 Thông tư này. Hồ sơ đề nghị giám định gồm:

a) Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm (mẫu đơn BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Văn hóa phẩm đề nghị giám định;

c)[3] Bản sao quyết định cho phép hợp tác làm phim với nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

2.[4] Thời gian giám định tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. Biên bản giám định văn hóa phẩm là cơ sở để cơ quan hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

Điều 4.[5] Thẩm quyền giám định văn hóa phẩm xuất khẩu

Cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm giám định văn hóa phẩm xuất khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Cục Điện ảnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giám định văn hóa phẩm là các loại phim của cơ quan, tổ chức hoặc phim hợp tác cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài chưa được công bố, phổ biến.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao ủy quyền giám định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của cá nhân, tổ chức tại địa phương.

Điều 5. Văn hóa phẩm nhập khẩu

Phim điện ảnh, phim truyền hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP bao gồm các loại: Phim để chiếu, phát sóng, làm mẫu giới thiệu, trình Hội đồng duyệt, phổ biến, phát hành theo quy định của pháp luật trên các hệ thống rạp, hệ thống truyền hình trong toàn quốc hoặc trên địa bàn từ hai địa phương trở lên.

Điều 6.[6] (được bãi bỏ)

Điều 7. Văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao

Cá nhân, tổ chức Việt Nam nhận văn hóa phẩm nhập khẩu của cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP trực tiếp làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm tại cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Điều 8.[7] Thẩm quyền của cơ quan cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm

1. Các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

a) Cục Điện ảnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung là phim;

b) Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn;

c) Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là di vật, cổ vật để triển lãm hoặc trưng bày trong bảo tàng;

d) Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao ủy quyền cấp giấy phép đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Điều 8a.[8] Trách nhiệm quản lý nhà nước

Cục Điện ảnh, Cục Nghệ thuật biểu diễn, Cục Di sản văn hóa, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo thẩm quyền và trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm thuộc lĩnh vực chuyên môn được giao.

Điều 9.[9] Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu

1. Mẫu số 01: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (BM.GP);

---

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

[8] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

2. Mẫu số 02: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.BBGĐ);

3. Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (BM.NK);

4. Mẫu số 04: Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.GĐ);

5. Mẫu số 05: Niêm phong văn hóa (BM.NP).

Mục 3
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[10]

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 2950/VBHN-BVHTTDL

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2018

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

[10] Điều 5 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 5. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./."

Điều 3 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kiến nghị, phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, chỉnh sửa./."

Mẫu số 01[11]

Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BM.GP

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
HOẶC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../VHPNK

GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (gọi tắt là Nghị định số 32/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP, Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Căn cứ đề nghị của..... tại văn bản số *(hoặc đơn)*.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

Đồng ý để:.....

Được nhập khẩu những văn hóa phẩm theo bảng kê dưới đây

SỐ TT	LOẠI VĂN HÓA PHẨM	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
Số vận đơn lô hàng hoặc giấy báo nhận hàng			

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Đề nghị cơ quan Hải quan:.....

……, ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

[11] Mẫu này thay thế mẫu được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 02[12]
Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BM.BBGĐ

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
HOẶC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
TÊN CƠ QUAN GIÁM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BBGĐNPXK

... , ngày..... tháng... năm...

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU

Theo đề nghị của..... *(tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định)* về việc.....

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (gọi tắt là Nghị định số 32/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP, Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Tên cơ quan *(giám định và niêm phong)* đã giám định số văn hóa phẩm dưới đây:

Số lượng:.....

Loại văn hóa phẩm:.....

Nội dung:.....

..... *(đối với hiện vật là di vật, cổ vật phải mô tả hiện vật)*.

Kết quả giám định:.....

a) Trường hợp văn hóa phẩm không được phép xuất khẩu nêu rõ lý do không được phép xuất khẩu.

b) Trường hợp văn hóa phẩm được phép xuất khẩu, ghi bổ sung thông tin như dưới đây:

Toàn bộ số văn hóa phẩm trên đã được niêm phong.....

Đề nghị..... *(tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định)* làm các thủ tục để xuất khẩu số văn hóa phẩm trên tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG
(Ký tên, đóng dấu)

---

[12] Mẫu này thay thế mẫu được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 03[13]
Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC *(nếu là cơ quan, tổ chức)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp phép)*

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu.....
.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị..... *(tên cơ quan cấp phép)* cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:.....

Nội dung văn hóa phẩm:.....
.....

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi chức vụ và đóng dấu)

[13] Mẫu này thay thế mẫu được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 04[14]
Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BM.GĐ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: *(Tên cơ quan giám định)*

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định.....
.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Đề nghị..... *(tên cơ quan giám định)* giám định văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:
Loại văn hóa phẩm:.....
Số lượng:.....
Nội dung văn hóa phẩm:.....
.....
Gửi từ:.....
Đến:.....
Mục đích sử dụng:.....
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi chức vụ và đóng dấu)

[14] Mẫu này thay thế mẫu được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Mẫu số 05 [15]

BM.NP

Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL
ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Niêm phong văn hóa:

- Niêm phong văn hóa có 3 lớp, mặt trước là lớp giấy niêm phong chính được làm bằng vật liệu giấy đặc biệt tự vỡ khi bóc, ở giữa là lớp keo đính sẵn, mặt sau cùng là lớp giấy lót.

- Kích thước: 70 x 70 mm

- Mặt trước: In trang trí nền hoa văn biểu tượng trống đồng màu vàng mờ. Các dòng chữ in màu xanh đậm gồm: trên cùng "BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH HOẶC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO", font chữ: Times New Roman, size: 9 pt; dòng thứ hai "**TÊN CƠ QUAN NIÊM PHONG**", font chữ: Times New Roman, size: 9 pt (Bold); dòng thứ ba "**NIÊM PHONG VĂN HÓA**" font chữ: Haettenschweiler (Bold), size: 21 pt; dòng thứ tư "Người niêm phong ký" và "Số" của tờ niêm phong, font chữ: Times New Roman, size: 9 pt; dòng thứ năm là để ký và "Ngày:", font chữ: Times New Roman, size: 9 pt.

- Số sê-ri của tờ niêm phong gồm 12 ký tự. Ý nghĩa của các ký tự: 2 chữ cái đầu là ký tự của lô sản phẩm, 2 chữ số tiếp theo là năm sản xuất, 6 chữ số cuối cùng là số thứ tự của tờ niêm phong.

- Niêm phong văn hóa được dùng một lần, sau khi gỡ niêm phong không thể tái sử dụng được.

[15] Mẫu này được ban hành theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

BM.GP

Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[16]

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../VHPNK	

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số.../2012/TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Căn cứ đề nghị của..... tại văn bản số (hoặc đơn).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đồng ý để:.....

Được nhập khẩu những văn hóa phẩm theo bảng kê dưới đây

SỐ TT	LOẠI VĂN HÓA PHẨM	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
Số vận đơn lô hàng hoặc giấy báo nhận hàng			

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

……, ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Giấy phép có giá trị trong 60 ngày.

[16] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

BM.BBGĐ

Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[17]

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BBGĐNPXK	*... , ngày..... tháng…… năm.....*

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU

Theo đề nghị của..... (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) về việc .....

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số…/TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Bộ/Sở văn hóa, thể thao và du lịch (cơ quan giám định và niêm phong) đã giám định và niêm phong số văn hóa phẩm dưới đây:

Số lượng:.....

Loại văn hóa phẩm:.....

Nội dung:.....

..... (đối với di vật, cổ vật phải mô tả hiện vật).

Toàn bộ số văn hóa phẩm trên đã được niêm phong.....

Đề nghị..... (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) làm các thủ tục để xuất khẩu số văn hóa phẩm trên tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG
(Ký tên, đóng dấu)

[17] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

BM.NK

Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[18]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép).....
.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Đề nghị..... (tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:
Loại văn hóa phẩm:.....
Số lượng:.....
Nội dung văn hóa phẩm:.....
.....
Gửi từ:.....
Đến:.....
Mục đích sử dụng:.....
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu và quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

[18] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

BM.GĐ

Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[19]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị giám định).....
.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Đề nghị..... (tên cơ quan giám định) giám định văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:
Loại văn hóa phẩm:.....
Số lượng:.....
Nội dung văn hóa phẩm:.....
.....
Gửi từ:.....
Đến:.....
Mục đích sử dụng:.....
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

[19] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

BM.NP

Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[20]

[20] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng